

Số: 310/2019/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 283/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Cao Nhật D**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: SN 3, tổ 03, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị **Đào Ngọc L**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: SN 3, tổ 03, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị anh Cao Nhật D và chị Đào Ngọc L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Cao Tú L, sinh ngày 13/12/2004 cho anh Cao Nhật D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Đào Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 10/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Chị L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với

thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về tài sản chung:* Anh Cao Nhật D và chị Đào Ngọc L xác định có tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung:* Anh Cao Nhật D và chị Đào Ngọc L xác định không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Cao Nhật D tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002951 ngày 03/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho anh D số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Đào Ngọc L phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án d©n sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường M (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Hoàng Mạnh Tuấn